

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

1. Phạm vi công việc của gói thầu.

1.1. Giới thiệu về gói thầu:

- Tên dự án: Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp.
- Tên gói thầu: Gói thầu PTV-02: Bảo hiểm xây dựng công trình gói thầu XL-02.
- Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp I.
- Địa điểm thực hiện: Quận Bình Thạnh, Quận Gò Vấp – Thành phố Hồ Chí Minh (cũ), hiện tại Phường Bình Lợi Trung và Phường Gia Định – Thành phố Hồ Chí Minh.
- Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp I.

1.2. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của gói thầu XL-02: Đoạn từ cầu Bùi Đình Túy đến Lương Ngọc Quyến, bao gồm rạch Bình Lợi, rạch Bình Triệu (từ Km 2+512 đến Km 5+216).

1.2.1. Phạm vi xây dựng gói thầu:

- Điểm đầu: Giao với cầu Bùi Đình Túy (cuối gói thầu XL-01).
- Điểm cuối: Giao với đường Lương Ngọc Quyến (đầu gói thầu XL-03).
- Phần rạch nhánh: Nhánh Bình Lợi có chiều dài 984m, nhánh rạch Bình Triệu có chiều dài 825m.

1.2.2. Quy mô đầu tư:

- Xây dựng tuyến kè bảo vệ bờ bằng tường cừ ván bê tông cốt thép dự ứng lực dọc hai bên bờ kênh;
- Nạo vét lòng rạch đến cao trình đáy: -3,50m; bề rộng $B=20 \div 30$ m;
- Xây dựng hệ thống thoát nước thái có đường kính từ D500 ÷ D1100mm;
- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa có đường kính từ D400 ÷ 2 x [3000 x 3000] mm;
- Xây dựng mới đường giao thông dọc 02 bên rạch với quy mô 2 làn xe/ mỗi bên;
- Xây dựng công viên/mảng xanh, chiếu sáng và hào kỹ thuật.

1.2.3. Giải pháp thiết kế:

1.2.3.1. Hạng mục kè:

- a. Xây dựng tuyến kè dọc hai bên bờ kênh:
 - Tổng chiều dài kè làm mới hai bên bờ kênh khoảng: 8.261,2m; trong đó làm mới khoảng 7.071,2m (bờ trái khoảng 3.080,92m; bờ phải khoảng 3.990,28m) và tận dụng khoảng 1.190m (tuyến kè dọc đường Tô Hữu). Cao trình đỉnh kè: +2,50 ÷ +2,80m.
 - Kết cấu kè:

+ Loại 1: Cừ ván bê tông cốt thép dự ứng lực (DUL) SW400A, chiều dài L=8m; xử lý gia cố sau kê bằng cọc bê tông DUL D500mm và cọc xi măng đất D800mm, chiều dài thay đổi theo địa chất.

+ Loại 2: Cừ ván bê tông cốt thép dự ứng lực (DUL) SW600B, chiều dài L= 16m; xử lý sau kê bằng cừ bạch đàn mật độ 9 cây/m².

b. Nạo vét lòng kênh: Chiều rộng đáy kênh B = 20÷30m, cao trình đáy kênh: -3,50 m.

c. Lan can: Lắp đặt lan can bằng thép mạ kẽm nhúng nóng 01 lớp.

1.2.3.2. Hạng mục thoát nước thải:

a. Bố trí tuyến cống bao:

- Khẩu độ từ D500÷D1100mm, đầu nối với tuyến cống bao thuộc phạm vi gói thầu XL-01 thoát về hệ thống cống của dự án Cải tạo môi trường và xây dựng hạ tầng kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè đi về Nhà máy xử lý nước thải Nhiêu Lộc - Thị Nghè, phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức. Chiều sâu lắp đặt cống từ (4,59÷9,28)m.

- Cống bằng bê tông cốt thép (jacking pipe), đường kính D500÷D1200mm, cường độ 50MPa đúc sẵn tại nhà máy.

- Mối nối cống sử dụng mối nối ngầm âm dương, chèn bằng joint cao su.

b. Hồ ga cống bao (hố shaft):

- Số lượng hố shaft: 60 hố (29 hố kích và 31 hố nhận), khoảng cách hố shaft từ 40÷150m, trường hợp tuyến cống cong thì có thể giảm xuống để đảm bảo nằm trong ranh dự án.

- Chiều cao hố shaft thay đổi từ (5,50÷10,63)m. Trong đó: phần thân giếng hình trụ bằng bê tông cốt thép 20Mpa; phần cổ giếng bằng bê tông cốt thép 16Mpa; khuôn giếng bằng bê tông cốt thép, bố trí 2 nắp gang (90x90x6)cm.

c. Giếng tách dòng (CSO):

- Giếng tách dòng có nhiệm vụ phân tách nước mưa và nước thải từ hệ thống cống chung để đưa nước thải về hệ thống cống bao và nước mưa thoát trực tiếp ra rạch thông qua cửa xả.

- Số lượng giếng tách dòng: 35 giếng, chiều cao giếng thay đổi từ (3,19÷5,08)m.

- Cấu tạo giếng tách dòng: Khung chắn rác, van 01 chiều (thép không gỉ Inox-304), cửa phay chặn và ống tách dòng.

d. Thoát nước sinh hoạt: Ống HPDE D300mm, phía nhà dân để thu gom nước thải các hộ dân và đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa.

1.2.3.3. Hạng mục thoát nước mưa:

- Bố trí tuyến cống dọc khẩu độ từ D600mm đến cống hộp 2x[3,0x3,0]m kết hợp cống ngang D400mm và hố thu phụ thu nước mặt đường, cống ngang đường từ D 1500mm đến [3,0x3,0] m tại các rạch hiện hữu ngang đường.

- Xây dựng kéo dài cống hộp hiện hữu khẩu độ 2x[2500x2500]mm gần cầu Chu Văn An (trái tuyến) đến mép kê thiết kế.

- Kết cấu cống, giếng thu, giếng thăm và các cấu kiện: Theo Văn bản hướng dẫn số 1443 7/SXD-HTKT ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Sở Xây dựng.

- Cống bằng BTCT 25Mpa đúc sẵn được sản xuất đúc sẵn (sử dụng loại cống miệng ngầm âm dương có khả năng chịu tải H30-XB80 khi lắp đặt dưới lòng đường, H10-X60 khi lắp đặt ở vỉa hè) và các cấu kiện khác (gối cống, hầm ga,...) bằng bê tông cốt thép 16Mpa.

- Gia cố móng cống, giếng: Móng cống, giếng ngoài phạm vi xử lý nền, được gia cố bằng cừ tràm đường kính $D = 8 \div 10$ cm, chiều 40m, mật độ 16 cây/m² và mật độ 25 cây/m², phía trên đầu cừ được phủ lớp cát đệm.

1.2.3.4. Hạng mục đường giao thông:

- Cấp, loại đường: cấp nội bộ, đường phân khu vực, vận tốc thiết kế: $V_{tk} = 30 \div 40$ km/h.

- Chiều dài tuyến: 6.483m, bao gồm: làm mới khoảng 2.510,19m phía bờ trái; làm mới khoảng 2.782,92m phía bờ phải và tận dụng khoảng 1.190m (*tuyến kẻ dọc đường Tô Hữu*).

- Chiều rộng mặt cắt ngang tuyến chính $B = 12,0$ m.

- Kết cấu áo đường cấp cao AI, Eye > 120Mpa.

- Kết cấu vỉa hè, bó vỉa: Kết cấu mẫu của Sở Giao thông vận tải (nay là Sở Xây dựng) ban hành kèm theo Quyết định số 1762/QĐ-SGTVT ngày 18 tháng 6 năm 2009. Loại kết cấu lựa chọn phù hợp với điều kiện thực tế. Bố trí đảm bảo cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng.

- Xử lý nền đường: Cọc đất gia cố xi măng đường kính D800mm, bố trí dạng hình vuông, mật độ và chiều dài thay đổi tùy theo địa tầng từng đoạn.

- Hệ thống báo hiệu giao thông: Tuân thủ theo QCVN 41:2024/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ.

1.2.3.5. Hạng mục công viên, cây xanh:

- Đối với cây xanh vỉa hè:

- Chúng loại cây xanh: Cây Kèn hồng, cây Móng bò tím, cây Giáng hương.

- Bố trí khoảng cách cây xanh trung bình 8m, cây xanh trồng cách mép đường xe chạy khoảng 1m;

- Bó vỉa gốc cây: Lát gạch số 8, kết cấu bồn gốc cây theo Quyết định số 1762/QĐ-SGTVT ngày 18 tháng 6 năm 2009 của Sở Giao thông vận tải.

- Phần mảng xanh, công viên:

- + Về chủng loại cây trồng: Cây Kèn hồng, Lát hoa, Bò cạp vàng, Lộc Vừng, Giáng hương, Me chua,...; kiếng bụi trong ở tầng thấp như: Huỳnh liên, Bông giấy, Tường vi, Dứa agao,...; mảng kiếng gồm: chuối ngọc, dứa vàng, lài tây, nguyệt quế, lá lốt, cam thạch, bạch trình biển, tuyết sơn, cỏ đậu, cam tú mai,...

- Bố trí bãi gửi xe, lối đi bộ, khu vui chơi, luyện tập thể dục thể thao, nhà vệ sinh, mái che,...

- Hệ thống tưới tự động: Bố trí hệ thống tưới tự động trong khu vực công viên và mảng xanh kết hợp với hệ thống van tưới tay dọc theo tuyến ống chính.

1.2.3.6. Hạng mục chiếu sáng:

- Đường giao thông dọc rạch: Bố trí trụ chiếu sáng trên vỉa hè mảng xanh, trụ đèn

dạng hình cong cao 9m, lắp đèn LED 90W, khoảng cách giữa các trụ trung bình 30m.

- Đường đi bộ dọc kè: Bố trí chiếu sáng trang trí, trụ đèn cao 4m, lắp đèn LED 40w, khoảng cách trung bình giữa các trụ từ (20-24)m.

- Công viên: Bố trí chiếu sáng các đường đi bộ, sân đa năng, khu vực vui chơi, trụ đèn cao 4m (lắp đèn LED 40W), trụ đèn dạng hình cong cao 9m (lắp đèn LED 90W) và trụ đèn cao 18m (lắp đèn pha LED 200W).

- Thực hiện thu hồi hệ thống chiếu sáng hiện hữu ảnh hưởng đến phạm vi xây dựng dự án và hoàn trả cho cơ quan quản lý vận hành.

1.2.3.7. Hạng mục hào kỹ thuật:

+ Bố trí hệ thống hào kỹ thuật 02 ngăn (đường dây điện và viễn thông) dọc tuyến vỉa hè phía nhà dân, đặt trên lớp móng bê tông đá 1x2, 12Mpa dày 10cm. Kích thước hào (DxRxC)m như sau:

+ Loại 1: Kích thước hào DxRxC (1,00x1,15x1,085)m áp dụng các phạm vi thông thường.

+ Loại 2: Kích thước hào DxRxC (1,00x2,15x1,085)m áp dụng phạm vi từ hẻm 220 Nguyễn Xí kết nối vào trạm điện Thanh Đa.

+ Loại 3: Kích thước hào DxRxC (1,00x1,48x1,085)m áp dụng phạm vi từ trạm điện Thanh Đa đến đường Đinh Bộ Lĩnh.

+ Hố ga bằng BTCT đá 1x2, 25Mpa đổ tại chỗ. Đáy móng sử dụng lớp bê tông lót đá 1x2, 12Mpa dày 10cm.

+ Sử dụng nắp đan tải trọng 40 Tấn với hố ga dưới lòng đường và tải trọng 12,5 Tấn với hố ga trên vỉa hè.

2. Mục tiêu công việc.

Lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện gói thầu PTV – 02: Bảo hiểm xây dựng công trình gói thầu XL – 02 thuộc dự án Nạo vét, cải tạo môi trường, xây dựng hạ tầng rạch Xuyên Tâm (từ kênh Nhiêu Lộc – Thị Nghè đến sông Vàm Thuật) quận Bình Thạnh, quận Gò Vấp

3. Các yêu cầu về kỹ thuật (Yêu cầu bảo hiểm).

3.1. Thời hạn bảo hiểm: Thời gian bảo hiểm tối thiểu 960 ngày cộng thêm 24 tháng bảo hiểm cho thời gian bảo hành công trình theo điều khoản mở rộng (thời gian bảo hành được tính từ khi có biên bản bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng cho đơn vị quản lý).

Trong trường hợp thời gian thi công bị chậm trễ so với tiến độ hoặc ngừng thi công và thi công lại thì bên được Bảo hiểm công trình sẽ thông báo cho bên Bảo hiểm công trình bằng văn bản và bên bảo hiểm sẽ gia hạn thời gian Bảo hiểm công trình theo yêu cầu của bên được bảo hiểm. Việc thay đổi này không làm phát sinh chi phí cho bên được bảo hiểm.

3.2. Giá trị bảo hiểm/hạn mức trách nhiệm:

- Số tiền bảo hiểm tối thiểu là (kể cả VAT): **1.221.735.276.337 đồng, trong đó bao gồm:**

- + Chi phí xây dựng: **1.091.682.675.201 đồng.**
- + Chi phí khác liên quan đến gói thầu: **12.707.641.454 đồng.**
- + Chi phí dự phòng: **117.344.959.682 đồng.**

- Thời gian thực hiện gói thầu là: **960 ngày.**
- Thời gian bảo hành: **24 tháng.**

*** Nguyên tắc bồi thường bảo hiểm trong hoạt động đầu tư xây dựng:**

*** Nguyên tắc bồi thường bảo hiểm trong hoạt động đầu tư xây dựng:**

Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm giải quyết bồi thường bảo hiểm theo quy định tại Điều 39 – Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023.

Doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện xem xét, giải quyết bồi thường bảo hiểm theo quy định pháp luật về kinh doanh bảo hiểm và theo nguyên tắc sau:

1. Khi xảy ra tổn thất đối với công trình trong thời gian xây dựng, bên mua bảo hiểm phối hợp với doanh nghiệp bảo hiểm giải quyết bồi thường bảo hiểm như sau:

a) Lập tức thông báo ngay cho doanh nghiệp bảo hiểm bằng các phương tiện thông tin liên lạc, sau đó trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất đối với công trình xây dựng phải thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp bảo hiểm.

b) Sau khi thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp bảo hiểm, bên mua bảo hiểm có thể tiến hành sửa chữa hoặc thay thế các hư hỏng nhỏ có giá trị không vượt quá mức khấu trừ tương ứng quy định tại Nghị định này.

Trong các trường hợp khác, trước khi thực hiện sửa chữa hoặc thay thế các hạng mục bị tổn thất, bên mua bảo hiểm phải được doanh nghiệp bảo hiểm giám định tổn thất. Nếu doanh nghiệp bảo hiểm không tiến hành giám định tổn thất trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo tổn thất công trình xây dựng, trừ trường hợp có sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm có quyền tiến hành việc sửa chữa hoặc thay thế các hạng mục bị tổn thất. Doanh nghiệp bảo hiểm phải trả chi phí sửa chữa hoặc thay thế các hạng mục bị tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm với điều kiện bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm phải tiến hành sửa chữa hoặc thay thế kịp thời.

c) Bảo quản các bộ phận bị tổn thất và sẵn sàng để cho đại diện hay giám định viên của doanh nghiệp bảo hiểm giám định các bộ phận đó.

d) Thông báo ngay cho cơ quan Công an trong trường hợp tổn thất do trộm cắp.

đ) Thực hiện mọi biện pháp trong phạm vi khả năng của mình để hạn chế tổn thất ở mức thấp nhất.

e) Thực hiện, phối hợp, cho phép doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện các hành động và biện pháp cần thiết hoặc theo yêu cầu của doanh nghiệp bảo hiểm nhằm bảo vệ quyền lợi mà doanh nghiệp bảo hiểm được hưởng sau khi bồi thường thiệt hại thuộc trách nhiệm bảo hiểm theo quy định tại Nghị định này.

2. Khi xảy ra tổn thất đối với công trình trong thời gian xây dựng, doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện giải quyết bồi thường bảo hiểm như sau:

a) Thực hiện giám định tổn thất theo quy định của pháp luật và lập biên bản giám định nguyên nhân và mức độ thiệt hại theo quy định tại khoản 5 Điều 40 Nghị định số

67/2023/NĐ-CP ngày 06/9/2023 (Biên bản giám định nguyên nhân và mức độ thiệt hại do doanh nghiệp bảo hiểm hoặc người được doanh nghiệp bảo hiểm ủy quyền lập).

b) Hướng dẫn, phối hợp với bên mua bảo hiểm và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thu thập đầy đủ các tài liệu để lập hồ sơ bồi thường.

3. Doanh nghiệp bảo hiểm chỉ bồi thường bảo hiểm các khoản thiệt hại vật chất mà người được bảo hiểm thực tế phải gánh chịu và khi các khoản đó đã được tính vào số tiền bảo hiểm.

4. Mức bồi thường đối với từng hạng mục tài sản ghi trong hợp đồng bảo hiểm không vượt quá số tiền bảo hiểm của hạng mục tài sản đó. Tổng số tiền bồi thường bảo hiểm không vượt quá tổng số tiền bảo hiểm quy định trong hợp đồng bảo hiểm. Các trường hợp cụ thể như sau:

a) Đối với trường hợp tổn thất có thể sửa chữa được thì phải sửa chữa, số tiền bồi thường là chi phí cần thiết để phục hồi các hạng mục bị tổn thất trở lại trạng thái như trước khi xảy ra tổn thất sau khi trừ đi phần giá trị thu hồi (trường hợp bên mua bảo hiểm thu hồi tài sản bị tổn thất) và mức khấu trừ bảo hiểm.

b) Đối với trường hợp tổn thất toàn bộ, số tiền bồi thường bảo hiểm là giá trị thị trường của hạng mục đó tại thời điểm, nơi xảy ra tổn thất và mức độ thiệt hại thực tế trừ đi mức khấu trừ bảo hiểm. Trường hợp bên mua bảo hiểm thu hồi tài sản bị tổn thất, số tiền bồi thường bảo hiểm là giá trị thực tế của hạng mục đó tại thời điểm, nơi xảy ra tổn thất trừ đi mức khấu trừ bảo hiểm và giá trị thu hồi tài sản bị tổn thất.

5. Chi phí sửa chữa tạm thời sẽ do doanh nghiệp bảo hiểm chịu nếu như việc sửa chữa đó là một bộ phận cấu thành của việc sửa chữa chính thức và không làm tăng tổng chi phí sửa chữa theo phương án sửa chữa cuối cùng của hạng mục bị tổn thất.

6. Doanh nghiệp bảo hiểm không có trách nhiệm bồi thường mọi chi phí nhằm cải hoán, bổ sung, nâng cấp các hạng mục được bảo hiểm.

4. Phạm vi bảo hiểm:

Bảo hiểm cho tất cả tổn thất đối với các hạng mục xây lắp và thiết bị trong quá trình thi công xây dựng, lắp đặt công trình do bất kỳ nguyên nhân nào trừ những trách nhiệm được loại trừ theo quy định tại Điều 34 Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023, đồng thời bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm theo các điều khoản bổ sung được nêu dưới đây:

a. Quy tắc bảo hiểm và các điều khoản được áp dụng:

+ Bảo hiểm cho phần vật chất công trình trong thời gian xây dựng: Theo Nghị định 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023 của Bộ Tài chính về hướng dẫn bảo hiểm bắt buộc trong đầu tư xây dựng công trình.

b. Bảng danh mục điều khoản bổ sung:

STT	Các điều khoản
1	MR 001 - Điều khoản bảo hiểm cho các tổn thất gây ra bởi đình công, gây rối, bạo loạn của quần chúng (Giới hạn trách nhiệm 20 tỷ VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn thất).

2	MR002 – Điều khoản bảo hiểm trách nhiệm chéo
3	MR 004- Điều khoản Bảo hiểm bảo hành mở rộng (1095 ngày)
4	Điều kiện đặc biệt liên quan đến tiến độ xây dựng/ lắp đặt (180 ngày)
5	Điều khoản bảo hiểm chi phí làm ngoài giờ, làm đêm, làm vào ngày lễ, chi phí vận chuyển tốc hành (Giới hạn trách nhiệm 10 tỷ VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn thất)
6	Điều khoản bảo hiểm cho chi phí vận chuyển hàng không (Giới hạn trách nhiệm 10 tỷ VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn thất)
7	Điều khoản bảo hiểm cho tài sản trong kho bãi ngoài công trường (Giới hạn trách nhiệm 20 tỷ VNĐ/kho)
8	Điều kiện đặc biệt liên quan tới đường cáp ngầm, đường ống ngầm và các thiết bị ngầm khác (Giới hạn trách nhiệm 20 tỷ VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn thất)
9	Cam kết liên quan đến vật liệu xây dựng
10	Điều kiện đặc biệt về các biện pháp an toàn đối với mùa mưa lũ
11	Điều kiện đặc biệt về các thiết bị chống cháy và an toàn về cháy trên công trường
12	Điều khoản bảo hiểm cho việc vận chuyển nội địa (Giới hạn trách nhiệm 10 tỷ VNĐ/chuyến)
13	Điều khoản về rủi ro thiết kế (Giới hạn trách nhiệm 20 tỷ VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn thất trong thời hạn bảo hiểm)
14	Bảo hiểm các hạng mục đã bàn giao hoặc đưa vào sử dụng
15	Điều khoản bảo hiểm cho những tài sản thuộc sở hữu hoặc quyền trông coi, kiểm soát của chủ đầu tư trên công trường. (Giới hạn trách nhiệm 20 tỷ VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn thất trong thời hạn bảo hiểm)
16	Các điều kiện đặc biệt liên quan đến công việc thi công móng cọc và tường chắn
17	Điều khoản bảo hiểm cho thiệt hại trực tiếp do bom mìn, mìn nổ chậm, phát nổ gây ra trong quá trình thi công (Giới hạn trách nhiệm 20 tỷ VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn thất)
18	Điều khoản bảo hiểm cho chi phí chuyên gia (Giới hạn trách nhiệm: 20 tỷ VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn thất)
19	Chi phí dọn dẹp hiện trường (Giới hạn trách nhiệm: 20 tỷ VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn thất)
20	Điều khoản điều chỉnh thời gian (72 giờ)
21	Điều khoản chỉ định giám định viên độc lập
22	Điều khoản tài liệu và bản vẽ (Giới hạn trách nhiệm 20 tỷ VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn thất)
23	Điều khoản tạm ứng bồi thường (50% đối với tổn thất ước tính thuộc phạm vi bảo hiểm)
24	Điều khoản về bảo hiểm cho chi phí khiếu nại và chuẩn bị hồ sơ bồi thường (Giới hạn trách nhiệm: 20 tỷ VNĐ/mỗi và mọi vụ tổn thất)

25	Điều khoản tự động khôi phục số tiền bảo hiểm sau tổn thất
26	Điều khoản loại trừ bệnh truyền nhiễm (LMA5394)
27	Điều khoản loại trừ rủi ro ô nhiễm và nhiễm bẩn
28	Điều khoản loại trừ chất Amiăng tổng hợp;
29	Điều khoản loại trừ khủng bố (NMA 2921);
30	Điều khoản Loại trừ Rủi ro Chiến tranh và Nội chiến;
31	Điều khoản loại trừ ro năng lượng hạt nhân (NMA 1975a) (1994) và SR 48-
32	Điều khoản loại trừ tổn thất tin tặc (LMA5240);
33	Điều khoản loại trừ các khoản tiền bồi thường theo phán quyết của tòa m tính trừng phạt (LGT399);
34	Điều khoản loại trừ cấm vận thương mại quốc tế;
35	Điều khoản loại trừ tổn thất dữ liệu và phần mềm máy tính

5. Mức phí bảo hiểm (% theo giá trị công trình xây dựng):

Mức phí bảo hiểm (% theo giá trị công trình xây dựng): 0,25%.

6. Tiêu chí phụ xếp hạng nhà thầu trong trường hợp đặc biệt:

Đối với trường hợp tại Mục 28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu tại Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu, Nhà thầu phải có bảng đề xuất hưởng ưu đãi và cung cấp các tài liệu liên quan (Như: Giấy đăng ký kinh doanh...) để chứng minh nhà thầu thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi. Trường hợp Nhà thầu không cung cấp bảng đề xuất và các tài liệu liên quan nhà thầu sẽ không được xem xét đối tượng được hưởng ưu đãi theo quy định.

7. Thuế VAT: Nhà thầu khi tham gia dự thầu phải chào giá dự thầu với thuế giá trị gia tăng là 10% theo đúng cơ cấu của giá gói thầu được duyệt.